

Ngành lúa gạo Việt Nam tìm hướng đi bền vững

LÊ THỊ THÚY

Nhờ có đổi mới cơ chế quản lý, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn, trở thành nước xuất khẩu gạo có sản lượng hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, giá trị lúa gạo của Việt Nam vẫn thấp hơn so với các nước trong khu vực, đời sống người nông dân còn nhiều khó khăn. Đặc biệt, sau khi Việt Nam hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế, sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, ngành lúa gạo đang phải đối mặt với nhiều thách thức.

DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG TĂNG NHANH

Thực hiện đường lối đổi mới trong sản xuất nông nghiệp của Đảng và Nhà nước, sức sản xuất đã được giải phóng. Người nông dân và các địa phương đã đẩy mạnh những giải pháp, như: khai hoang, thủy lợi, mở rộng diện tích trồng lúa; công tác nghiên cứu giống đã đưa ra giống lúa ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh, quy trình canh tác hợp lý, thay thế giống lúa mùa 1 vụ năng suất thấp... Nhờ đó, diện tích, năng suất, sản lượng lúa của Việt Nam tăng nhanh. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, hiện nay Việt Nam có khoảng 4,0 triệu ha đất trồng lúa, chiếm khoảng 40% diện tích đất sản xuất nông nghiệp; trong 10 năm (2001-2011) diện tích gieo trồng lúa ở mức trên dưới 7,5 triệu ha/năm, năm 2012 tăng lên 7,7 triệu ha và đến năm 2013 đã đạt 7,9 triệu ha (Bảng).

Năng suất lúa bình quân của cả nước gia tăng liên tục trong những năm qua. Vùng có năng suất lúa trung bình cao nhất là Đồng bằng sông Hồng: 59,2 tạ/ha; thấp nhất là Đông Nam Bộ 47,6 tạ/ha. Việt Nam dẫn đầu các nước Đông Nam Á về năng suất lúa, cao hơn bình quân của châu Á: 17%, nhưng bằng 75%-77% so với Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn. Giai đoạn 2001-2007, bình quân xuất khẩu đạt 4,18 triệu tấn/năm, kim ngạch đạt 1,03 tỷ USD/năm, tăng 13,8% về lượng và 14,4% về giá trị so với giai đoạn trước. Đến năm 2010, xuất khẩu gạo đạt mức kỷ lục mới về cả số lượng và giá trị

với 6,75 triệu tấn (gần 3 tỷ USD), nếu tính cả xuất khẩu tiểu ngạch có thể lên đến gần 7 triệu tấn; năm 2011, đạt mức 7 triệu tấn; năm 2012 đạt 7,7 triệu tấn, cao nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, năm 2013 do áp lực cạnh tranh cao và sụt giảm nhu cầu của các thị trường truyền thống, như: Malaysia, Philippines và Indonesia, lượng gạo xuất khẩu giảm còn 6 triệu tấn, giảm hơn 1,4 triệu tấn (tức giảm 17,76%) so với năm 2012, kim ngạch đạt gần 2,93 tỷ USD, giảm 20,36%, đây là mức xuất khẩu thấp nhất trong 3 năm qua. Với kết quả này, Việt Nam đã tụt xuống thứ 3 sau Ấn Độ và Thái Lan trên bảng tổng xếp hạng xuất khẩu gạo. 8 tháng đầu năm 2014, ngành lúa gạo vẫn theo đà sụt giảm, khối lượng xuất khẩu đạt 4,44 triệu tấn (2,01 tỷ USD).

NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng, song ngành lúa gạo Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn.

Chất lượng lúa hiện nay đang là vấn đề khá nan giải, vì tập quán sản xuất của đại bộ phận nông dân

BẢNG: DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG LÚA TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001-2013

TT	Năm	Diện tích (1.000 ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (1.000 tấn)
1	2001	7.492,7	42,9	32.108,4
2	2002	7.504,3	45,9	34.447,2
3	2003	7.452,1	46,4	34.568,8
4	2004	7.329,2	48,6	36.148,9
5	2005	7.329,2	48,9	35.832,9
6	2006	7.324,8	48,9	35.849,5
7	2007	7.207,4	49,9	35.942,7
8	2008	7.400,2	52,3	38.729,8
9	2009	7.440,1	52,3	38.895,5
10	2010	6.990,5	57,2	39.988,9
11	2011	7.651,4	55,3	42.324,9
12	2012	7.761,3	56,4	43.737,6
13	2013	7.900,7	55,8	44.053,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê

vẫn còn chú trọng về số lượng hơn chất lượng, nhiều loại giống được gieo trồng trong cùng một vùng nên chất lượng gạo không thuần chủng và không đồng đều. Vấn đề bảo quản sau thu hoạch còn nhiều bất cập, gây hao hụt lớn và ảnh hưởng đến chất lượng hạt gạo. Vì vậy, phẩm cấp hạt gạo sau khi chế biến không cao, khó tiếp cận được với các thị trường khó tính, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam luôn thấp hơn gạo cùng loại của Thái Lan. Không những vậy, giá cả bất bình của thị trường lúa gạo trong nước cũng đã và đang ảnh hưởng tới việc ổn định sản lượng, chất lượng xuất khẩu.

Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều doanh nghiệp sản xuất gạo an toàn, theo chuẩn quốc tế. Đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất có giá trị thu nhập cao, như: Gạo thơm hữu cơ “Hoa Sữa” của Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Viễn Phú, được bán sang thị trường châu Âu, Mỹ với giá cao nhất đạt 12 euro/kg (hơn 300.000 đồng/kg). Điều này cho thấy, doanh nghiệp đã bắt đầu chú trọng đến xây dựng thương hiệu, đây chính là bước đệm để gạo Việt Nam có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới trong tương lai, góp phần quan trọng trong việc cải thiện đời sống của người nông dân trồng lúa.

Chính phủ đã có những chính sách hỗ trợ tín dụng đối với nông nghiệp, nhưng trên thực tế người nông dân vẫn khó tiếp cận, thủ tục vay vốn khá phức tạp. Nguyên nhân chủ yếu là theo quy định khách hàng được vay không có tài sản đảm bảo phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tại một tổ chức tín dụng, nên nỗi lo trắng tay luôn đeo bám người nông dân, bởi nông nghiệp còn phụ thuộc quá nhiều vào khí hậu, thời tiết, rủi ro trong sản xuất, kinh doanh là không nhỏ, vì vậy người nông dân ngại vay vốn.

Về phía các ngân hàng, xét ở góc độ kinh doanh thuần túy bất kể là khách hàng nào, muốn tiếp cận được nguồn vốn thì phải chứng minh được khả năng trả nợ, có kế hoạch sản xuất, kinh doanh hiệu quả... Vì vậy, không phải ngân hàng e ngại cho vay đối với tất cả các khách hàng nói chung và người nông dân nói riêng, mà đây là nguyên tắc phải thực hiện để đảm bảo tính an toàn của nguồn vốn.

Bên cạnh đó, trong công đoạn sản xuất cũng bị hạn chế. Chi phí đầu vào liên tục tăng, ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản và thu nhập của nông dân. Nông dân sản xuất nhỏ lẻ, các hình thức tổ chức liên kết nông dân (tổ hợp tác, hợp tác xã...) chưa được quan tâm phát triển. Sản xuất đa số còn tự phát, theo phong trào, chưa theo yêu cầu từ thị trường; sử dụng nhiều giống trên cùng cánh đồng, dẫn đến chất lượng các lô gạo xuất khẩu lẫn nhiều giống không đồng đều. Giống lúa phục vụ xuất khẩu vẫn chủ yếu hướng tới các thị trường dễ tính

với giá bán thấp. Hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống đê bao ngăn lũ chưa được đầu tư hoàn thiện, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Các cơ quan quản lý và người nông dân cũng chưa quan tâm đúng mức đến an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, giảm phát thải, bảo vệ sức khỏe người lao động, lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, làm ảnh hưởng chất lượng lúa gạo và gây ô nhiễm môi trường. Theo ông Nguyễn Xuân Hồng, Cục trưởng Cục bảo vệ thực vật, tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật là phổ biến, có đến 80% lượng thuốc phun chưa đúng đối tượng, dẫn đến tăng chi phí sản xuất, gây ô nhiễm môi trường và dẫn đến nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

Trình độ nguồn nhân lực, chất lượng lao động thấp, sản xuất chủ yếu theo kinh nghiệm “cha truyền con nối”, thiếu thông tin khoa học kỹ thuật và môi trường. Trình độ thâm canh còn chênh lệch lớn giữa các vùng, miền, giữa các hộ trong cùng một khu vực sản xuất...

Công đoạn sau thu hoạch còn yếu. Thiếu hệ thống sấy, nhất là vụ Hè Thu ảnh hưởng đến chất lượng gạo xuất khẩu. Người dân chưa chú trọng sử dụng hiệu quả các sản phẩm phụ (như: trấu, cám, rơm rạ...) để nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất.

Công tác xúc tiến thương mại chưa được đẩy mạnh, nên hạt gạo của Việt Nam chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế. Thị trường gạo trong nước cũng chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu do tư thương, hàng xáo nhỏ lẻ nắm giữ, chất lượng dịch vụ thấp.

Việc liên kết sản xuất, tiêu thụ trong chuỗi giá trị còn lỏng lẻo. Các thành phần tham gia trong chuỗi giá trị lúa gạo, bao gồm: nông dân, thương lái, hàng xáo, lái lúa (hiện thu gom tới trên 90% lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long), nhà máy xay chà đánh bóng và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo chưa liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách có hiệu quả và cùng có lợi. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo chưa tham gia liên kết, hợp tác với nông dân xây dựng “cánh đồng lớn”, vùng nguyên liệu và thu mua sản phẩm theo hợp đồng nhằm nâng cao hiệu quả, cũng như đảm bảo chất lượng của gạo xuất khẩu, dẫn đến nghịch lý là nông dân trồng lúa chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của thị trường gạo cấp cao, nhưng chất lượng gạo xuất khẩu lại thấp, do doanh nghiệp

thu mua gom từ nhiều nguồn khác nhau, nên mỗi tấn gạo của Việt Nam xuất đi pha tạp đủ các loại gạo. Từ đó dẫn đến thực trạng gạo Việt Nam luôn bị ép giá thấp nhất.

Đời sống người nông dân còn thấp, thu nhập trung bình của người trồng lúa không tương xứng, cho dù đó là Đồng bằng sông Cửu Long, vừa lúa cung cấp đến 90% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam.

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Để hướng tới mục tiêu đảm bảo được an ninh lương thực quốc gia, nâng cao giá trị gia tăng, cải thiện thu nhập cho người trồng lúa và phát triển bền vững, ngành lúa gạo cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng thương hiệu lúa gạo từ các vùng nguyên liệu lúa hàng hóa xuất khẩu sản xuất theo VietGAP hoàn chỉnh và khép kín từ khâu sản xuất, thu hoạch, tồn trữ, bảo quản... Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết sản xuất, tiêu thụ, vùng nguyên liệu lúa hàng hóa chất lượng cao. Cần xác định rõ vai trò chủ yếu của mỗi đối tác trong quan hệ liên kết để có biện pháp quản lý, hỗ trợ, nâng cao hiệu quả liên kết, như: Nhà nước tạo môi trường để thúc đẩy liên kết thông qua cơ chế, chính sách và chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo gắn nông dân với thị trường, cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra; đặt hàng với nông dân số lượng, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của thị trường... Người nông dân liên kết trong tổ hợp tác, hợp tác xã doanh nghiệp để tạo nên vùng sản xuất tập trung, thực hiện nghĩa vụ bán sản phẩm cho doanh nghiệp theo hợp đồng. Các tổ chức hỗ trợ, như: nhà khoa học, ngân hàng... đóng vai trò nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giải quyết các khó khăn về kỹ thuật, cung cấp tín dụng...

Hai là, để nông dân tiếp cận dễ dàng hơn nguồn vốn phát triển sản xuất nông

NGHIỆP, các tổ chức tín dụng cần xem xét đa dạng hóa các món vay, đơn giản hóa thủ tục cho vay; việc cho vay cần linh động phù hợp với điều kiện sản xuất như theo mùa vụ, cho vay theo hạn mức tín dụng, nâng mức cho vay... Đồng thời, có cơ chế giảm nợ, khoan nợ, tiếp tục cho vay đối với các hộ, cá nhân, tổ chức có phương án sản xuất, kinh doanh tốt nhưng gặp rủi ro do các nguyên nhân khách quan.

Ba là, cần quản lý thương lái thu mua theo hướng chuyên nghiệp, có đăng ký kinh doanh, đồng thời, có chính sách hỗ trợ nhằm phát huy vai trò của thương lái, nhưng Nhà nước vẫn quản lý nhằm bảo vệ quyền lợi của nông dân. Giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho doanh nghiệp thuê đất sản xuất, giảm thuế vật tư đầu vào để giảm giá thành nông sản, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, tiêu thụ nông sản. Đầu tư xây dựng sàn giao dịch lương thực nói chung và lúa gạo nói riêng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hỗ trợ phát triển các hình thức hợp tác sản xuất lương thực trên cơ sở liên kết sản xuất với tiêu thụ.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng khoa học, công nghệ, nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản xuất lúa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu phát triển các giống lúa mới có năng suất, chất lượng và chống chịu tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu. Mở rộng áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến lúa, tạo sản phẩm giá trị gia tăng; chế biến các sản phẩm từ gạo. Đẩy mạnh áp dụng các kỹ thuật, công nghệ canh tác tiên tiến trong sản xuất lúa để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Năm là, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất. Đồn điền, đổi thửa, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, củng cố hệ thống thủy nông cơ sở đáp ứng yêu cầu của sản xuất lúa. Đẩy mạnh chế biến, bảo quản, áp dụng cơ giới hóa, giảm thất thoát sau thu hoạch. Rà soát xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về nhà xưởng, bảo quản, chế biến; tiêu chuẩn chất lượng lúa gạo, chỉ tiêu an toàn thực phẩm, xây dựng hệ thống kiểm nghiệm, phân tích chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường.

Sáu là, đào tạo nông dân và khuyến nông. Bồi dưỡng, tập huấn cho nông dân về chính sách, pháp luật, kỹ thuật canh tác, bảo quản, tiêu thụ lúa gạo, thuốc bảo vệ thực vật... để sản xuất hiệu quả, bền vững bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động khuyến nông để huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động này. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014). *Dự thảo Tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam*
2. Quỳnh Hoa, Khiếu Tư (2013). *Bộ trưởng Nông nghiệp chỉ ra "lối thoát" cho ngành lúa gạo*, truy cập từ <http://www.vietnamplus.vn/bo-truong-nong-nghiep-chi-ra-loi-thoat-cho-nganh-lua-gao/230913.vnp>